

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

Số: 69383 /CT-TTHT
V/v chính sách thuế TNDN và
GTGT đối với phần mềm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH Information Strategy and Technology Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Viglacera, số 1, đại lộ Thăng Long, phường Mỹ Trì, quận Nam
Từ Liêm, TP Hà Nội, MST: 0108385563

Trả lời công văn số 02-2019/ISTVN/CV ghi ngày 02/08/2019 của Công ty TNHH Information Strategy and Technology Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế đối với lập trình website, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin.

- Căn Thông tư số 16/2014/TT-BTTTT ngày 18/11/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn việc xác định hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm.

- Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/04/2013 của Bộ Thông tin và truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và cứng, điện tử.

- Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

+ Tại Khoản 3 Điều 10 sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“5. Về dự án đầu tư mới:

a) Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP là:

- Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu từ ngày 01/01/2014 và phát sinh doanh thu của dự án đó sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

- Dự án đầu tư trong nước gắn với việc thành lập doanh nghiệp mới có vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ ngày 01/01/2014.

- Dự án đầu tư độc lập với dự án doanh nghiệp đang hoạt động (kể cả trường hợp dự án có vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện) có Giấy chứng nhận đầu tư từ ngày 01/01/2014 để thực hiện dự án đầu tư độc lập này.

- Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.”

÷ Tại Khoản 1 Điều 11 quy định:

“1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 19 Thông tư 78/2014/TT- BTC như sau:

“1. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) áp dụng đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại: địa bàn điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;... sản xuất sản phẩm phần mềm;...”

÷ Tại Điều 12 quy định:

“1. Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 1 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT- BTC như sau:

“1. Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư này)”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT- BTC như sau:

“4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu.”

- Căn cứ Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

“1. Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.

2. Trong thời gian đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh thì doanh

nghiệp phải tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi, mức miễn thuế, giảm thuế) và thu nhập từ hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế để kê khai nộp thuế riêng.”

- Căn cứ Khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng, quy định đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị.

Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến về nguyên tắc như sau:

1. Về ưu đãi thuế TNDN:

Trường hợp Công ty thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm phần mềm theo quy định của pháp luật thì thu nhập từ hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm được áp dụng:

+ Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới; và

+ Miễn thuế 04 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

2. Về thuế GTGT:

Sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 21, Điều 4, Thông tư số 219/2013/TT-BTC nêu trên.

Ngày 12/08/2019, Cục thuế TP Hà Nội đã có công văn số 63743/CT-TTHT, trong đó hướng dẫn Công ty nghiên cứu Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính Phủ, Thông tư số 16/2014/TT-BTTTT ngày 18/11/2014, Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/04/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông để xác định hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị Công ty liên hệ với Cục Thuế TP Hà Nội (Phòng Thanh tra - kiểm tra số 2) để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Cty TNHH Information Strategy and Technology Việt Nam được biết và thực hiện. //

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng: TKT số 2; DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2).

(6;3)

